

**UBND XÃ TUẦN GIÁO**  
**TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 2 TUẦN GIÁO**  
**BẢNG THANH TOÁN CHÊNH LỆCH ƯU ĐÃI TỪ THÁNG 01 ĐẾN THÁNG 06 NĂM**  
**2026 THEO NĐ 182/2026**

| TT        | Họ Và Tên             | HS<br>TNN | TNV<br>K | HSL  | Hệ số<br>lương | Hệ số<br>TNCK | Chênh lệch PC<br>ưu đãi<br>10%, 20% từ<br>01/01/2026 đến<br>30/06/2026 | Số tháng | Tổng cộng CK | Ghi chú                 |
|-----------|-----------------------|-----------|----------|------|----------------|---------------|------------------------------------------------------------------------|----------|--------------|-------------------------|
| 1         | Hoàng Thanh Phương    | 28%       |          | 5,70 | 0,30           |               | 1.404.000                                                              | 6        | 8.424.000    |                         |
| 2         | Huỳnh Thị Hương       | 22%       |          | 5,02 |                |               | 1.174.680                                                              | 1        | 1.174.680    |                         |
|           |                       |           |          | 5,36 |                |               | 1.254.240                                                              | 5        | 6.271.200    | Nâng lương từ 1/2/2026  |
| 3         | Nguyễn Thị Hoa Thắm   | 29%       |          | 5,36 |                |               | 1.254.240                                                              | 6        | 7.525.440    |                         |
| 4         | Nguyễn Thị Huế        | 19%       |          | 3,99 |                |               | 933.660                                                                | 6        | 5.601.960    |                         |
| 5         | Nguyễn Thị Phương     | 22%       |          | 5,02 |                |               | 1.174.680                                                              | 6        | 7.048.080    |                         |
| 6         | Đỗ Thị Toàn           | 25%       |          | 5,36 | 0,20           |               | 1.301.040                                                              | 6        | 7.806.240    |                         |
| 7         | Dương Thị Lan         | 25%       |          | 5,36 |                |               | 1.254.240                                                              | 6        | 7.525.440    |                         |
| 8         | Hoàng Thị Minh Phương | 29%       | 7%       | 4,98 | 0,20           | 0,35          | 1.293.692                                                              | 3        | 3.881.077    |                         |
|           |                       |           | 8%       | 4,98 | 0,20           | 0,40          | 1.305.346                                                              | 3        | 3.916.037    | Nâng TNKV từ 1/04/2026  |
| 9         | Hoàng Thị Hằng        | 27%       | 5%       | 4,98 |                | 0,25          | 1.223.586                                                              | 2        | 2.447.172    |                         |
|           |                       |           | 6%       | 4,98 |                | 0,30          | 1.235.239                                                              | 4        | 4.940.957    | Nâng TNKV từ 1/03/2026  |
| 10        | Nguyễn Thị Liên       | 17%       |          | 3,99 |                |               | 933.660                                                                | 2,5      | 2.334.150    |                         |
|           |                       | 17%       |          | 4,00 |                |               | 936.000                                                                | 3,5      | 3.276.000    | Nâng hạng từ 15/03/2026 |
| 11        | Lò Thị Tranh          | 13%       |          | 3,66 |                |               | 856.440                                                                | 6        | 5.138.640    |                         |
| 12        | Bùi Văn Ninh          | 16%       |          | 3,99 |                |               | 933.660                                                                | 6        | 5.601.960    |                         |
| 13        | Nguyễn Quốc Dương     | 14%       |          | 4,00 |                |               | 936.000                                                                | 6        | 5.616.000    |                         |
| 14        | Tô Kim Nhung          | 30%       |          | 5,36 |                |               | 1.254.240                                                              | 6        | 7.525.440    |                         |
| 15        | Lường Thị Ngoan       |           |          | 3,26 | 0,20           |               | 1.619.280                                                              | 6        | 9.715.680    |                         |
| 16        | Bạc Thị Minh Thùy     |           |          | 3,26 |                |               | 1.525.680                                                              | 6        | 9.154.080    |                         |
| Tổng cộng |                       |           |          |      |                |               | 23.803.603                                                             | 96       | 114.924.233  |                         |

Số tiền bằng chữ:

Một trăm mười bốn triệu chín trăm hai mươi tư nghìn hai trăm ba mươi ba đồng chẵn.

Tuần Giáo, ngày 46 tháng 08 năm 2026

Kế toán



Nguyễn Thị Lan Anh

Thủ trưởng đơn vị



Hoàng Thanh Phương